

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2023/DS-ST**

Ngày 15 – 3 – 2023

“V/v: T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 7
năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: 1XX T, quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch hội đồng quản
trị

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Võ Thị Kim A – Phó giám
đốc phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh B – Có mặt.

Địa chỉ: XX N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T – Vắng mặt.

Địa chỉ: : Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền
của nguyên đơn trình bày:* Ngày 04/3/2020, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T ký
Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8266199, vay Ngân hàng TMCP V số tiền
350.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày vay, kỳ hạn trả nợ lãi 6
tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất
cho vay, lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời
gian chậm trả. Đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc từ ngày 04/02/2021 nhưng ông L và bà

T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tạm tính đến ngày 14/3/2023, ông L và bà T nợ ngân hàng số tiền 483.850.691 đồng (trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 92.328.082 đồng, lãi quá hạn 38.713.356 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 2.809.253 đồng).

- Ngày 05/6/2020, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 02/2020/8266199, vay Ngân hàng TMCP V số tiền 520.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày vay, kỳ hạn trả nợ lãi 6 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 10.2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc từ ngày 05/5/2021 nhưng ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tạm tính đến ngày 14/3/2023, ông L và bà T nợ ngân hàng số tiền 693.338.502 đồng (trong đó nợ gốc 520.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 120.030.246 đồng, lãi quá hạn 49.334.466 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 3.973.790 đồng).

- Ngày 30/12/2020, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 03/2020/8266199, vay Ngân hàng TMCP V số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày vay, kỳ hạn trả nợ lãi 6 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 10.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc từ ngày 30/11/2021 nhưng ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tạm tính đến ngày 14/3/2023, ông L và bà T nợ ngân hàng số tiền 50.372.338 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 7.410.411 đồng, lãi quá hạn 2.704.110 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 257.817 đồng).

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng đất: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 50, diện tích 5.194 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226333 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 50, diện tích 3.798 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226334 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 37, diện tích 14.166 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 608335 do UBND huyện C cấp.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 14/3/2023 là: 1.227.561.531 đồng (trong đó, nợ gốc là: 910.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 219.768.739 đồng; nợ lãi quá hạn là: 90.751.932 đồng; lãi chậm trả đối với lãi: 7.040.860 đồng) và tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 15/3/2023 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền

phát mãi tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T với ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T đều vắng mặt không có lý do; vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: **Áp dụng các** Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 299 Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V

Buộc ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 910.000.000 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận đã được ghi nhận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T thực hiện xong nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP V trả lại cho ông L bà T bản gốc các giấy chứng nhận QSD đất.

Ngoài ra, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 04/3/2020, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T, ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8266199, vay Ngân hàng TMCP V số tiền

350.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày vay, kỳ hạn trả nợ lãi 6 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc từ ngày 04/02/2021 nhưng ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Ngày 05/6/2020, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 02/2020/8266199, vay Ngân hàng TMCP V số tiền 520.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày vay, kỳ hạn trả nợ lãi 6 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 10.2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc từ ngày 05/5/2021 nhưng ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Ngày 30/12/2020, ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 03/2020/8266199 vay Ngân hàng TMCP V số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, kể từ ngày vay, kỳ hạn trả nợ lãi 6 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 10.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc từ ngày 30/11/2021 nhưng ông L và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[3.1]. Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho các khoản vay ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/8266199/HĐTC ngày 02/6/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế số 01/2017/8266199/SĐBS ngày 20/7/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2016/8266199/HĐTC ngày 15/8/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/8266199/SĐBS ngày 07/6/2018 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 89, tờ bản đồ số 50, diện tích 5194 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226333 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 50, diện tích 3798 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226334 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 37, diện tích 14166 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 608335 do UBND huyện C cấp.

[3.2]. Xét các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp giữa ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T với Ngân hàng TMCP V giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay như cam kết, không trả nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay và lãi suất theo quy định. Tính đến ngày

14/3/2023 ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T còn nợ đối với các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8266199, ngày 04/3/2020 ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T nợ ngân hàng số tiền 483.850.691 đồng (trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 92.328.082 đồng, lãi quá hạn 38.713.356 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 2.809.253 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 02/2020/8266199, ngày 05/6/2020 ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T nợ ngân hàng số tiền 693.338.502 đồng (trong đó nợ gốc 520.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 120.030.246 đồng, lãi quá hạn 49.334.466 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 3.973.790 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 03/2020/8266199, ngày 30/12/2020 ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T nợ ngân hàng số tiền 50.372.338 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 7.410.411 đồng, lãi quá hạn 2.704.110 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 257.817 đồng).

Vì vậy cần buộc ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 14/3/2023 là: 1.227.561.531 đồng (trong đó, nợ gốc là: 910.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 219.768.739 đồng; nợ lãi quá hạn là: 90.751.932 đồng; lãi chậm trả đối với lãi: 7.040.860 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/3/2023 cho đến khi trả xong nợ theo các hợp đồng tín dụng.

[3.3]. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 89, tờ bản đồ số 50, diện tích 5.194 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226333 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 50, diện tích 3.798 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226334 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 37, diện tích 14.166 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 608335 do UBND huyện C cấp.

Khi ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 226333, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 226334 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 608335 đều do UBND huyện C cấp.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể: $1.227.561.531 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.227.561.531 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 48.826.846 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 483.850.691 đồng (trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 92.328.082 đồng, lãi quá hạn 38.713.356 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 2.809.253 đồng) và tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 15/3/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8266199, ngày 04/3/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Buộc ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 693.338.502 đồng (trong đó nợ gốc 520.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 120.030.246 đồng, lãi quá hạn 49.334.466 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 3.973.790 đồng) và tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 15/3/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/8266199, ngày 05/6/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Buộc ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 50.372.338 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 7.410.411 đồng, lãi quá hạn 2.704.110 đồng, lãi chậm trả đối với lãi 257.817 đồng) và tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày 15/3/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 03/2020/8266199, ngày 30/12/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Khi ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T trả xong nợ thì Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm trả lại cho ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 226333, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 226334 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 608335 đều do UBND huyện C cấp.

Trường hợp ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8266199/HĐTC ngày 02/6/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế số 01/2017/8266199/SĐBS ngày 20/7/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2016/8266199/HĐTC ngày 15/8/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/8266199/SĐBS ngày 07/6/2018 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 89, tờ bản đồ số 50, diện tích 5194 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226333 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 50, diện tích 3798 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ số AO 226334 do UBND huyện C cấp. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 37, diện tích 14166 m², địa chỉ thửa đất xã E, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 608335 do UBND huyện C cấp đất để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP V được nhận lại 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ ông Triệu Văn L và bà Bàn Thị T.

Về án phí: Ông Triệu Văn L, bà Bàn Thị T phải chịu 48.826.846 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại 22.580.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013562 ngày 22/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;.
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Tha